

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1607/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22/8/2022
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Ngọc Yến**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Nhơn**

2. Bà **Lâm Thị Hoàng Oanh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Hải An** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Lê Mỹ Phương** - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 04 tháng 8 năm 2022 và ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 846/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 295/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 923/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 08 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị D**

Địa chỉ: 455/4C đường L, Phường M, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

(có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông **Lê Văn H**

Địa chỉ: 455/4C đường L, Phường M, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

(vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn ly hôn ngày 18/03/2022, bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải do nguyên đơn là bà Ngô Thị D trình bày:

Bà Ngô Thị D và ông Lê Văn H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 31/08/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Ea Ning, Huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình sinh sống ông bà hạnh phúc khoảng 5 năm, đến năm 2017 không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân do ông bà không còn tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như tài chính, mâu thuẫn ngày càng nhiều. Nay nhận thấy tình cảm không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn H.

- Về con chung: Ông bà có 01 (một) con chung tên Lê Minh Q sinh ngày 23/02/2012. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ Lê Minh Q và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng phía bị đơn vắng mặt không lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau:

Về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền. Các phần còn lại Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng của Hội đồng xét xử: Thời gian, địa điểm mở phiên Tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Quá trình xét xử, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng qui định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ những chứng cứ trong hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Lê Văn H hiện cư ngụ tại quận Bình Thạnh, TP.HCM nên căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa Án nhân dân quận Bình Thạnh, TP.HCM.

Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì tranh chấp giữa bà Ngô Thị D và ông Lê Văn H là tranh chấp Ly hôn.

- ***Về thủ tục:*** Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa hôm nay do tất cả những người tham gia tố tụng vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 109, quyển số 02/2012 do Ủy ban nhân dân xã Ea Ning, Huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 31/08/2012 thể hiện hôn nhân giữa bà Ngô Thị D và ông Lê Văn H là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà D, Hội đồng xét xử nhận thấy: từ năm 2017, cuộc sống của ông bà đã không còn hạnh phúc nguyên nhân là do không còn tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như tài chính, mâu thuẫn ngày càng nhiều dẫn đến không khí trong gia đình nặng nề, ngột ngạt, không thể hàn gắn. Bà D đã không còn tình cảm với ông và ông bà đã ly thân gần 3 năm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn là ông Lê Văn H, nhưng ông H đều vắng mặt không lý do. Điều này thể hiện ông H không có thiện chí hòa giải đoàn tụ gia đình, không quan tâm và thờ ơ với tình trạng hôn nhân của mình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân phải là sự tự nguyện từ hai phía, vợ chồng phải yêu thương, tôn trọng lẫn nhau, cùng mong muốn xây dựng hạnh phúc gia đình thì mục đích hôn nhân mới đạt được. Vì vậy, yêu cầu được ly hôn của bà D là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung Lê Minh Q sinh ngày 23/02/2012. Xét yêu cầu của bà D về việc được nuôi dưỡng con Lê Minh Q, không yêu cầu ông H cấp dưỡng: Hội đồng xét xử nhận thấy: từ khi ly thân với ông H đến nay thì bà D là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và trẻ Lê Minh Q cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ án ông H không ý kiến kiến gì về việc tranh chấp nuôi con nên yêu cầu của bà D là có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức và thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Ngô Thị D:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị D được ly hôn với ông Lê Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 109, quyển số 02/2012 do Ủy ban nhân dân xã Ea Ning, Huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 31/08/2012 thể hiện hôn nhân giữa bà Ngô Thị D và ông Lê Văn H hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông bà có 01 (một) con chung là Lê Minh Q sinh ngày 23/02/2012. Giao trẻ Lê Minh Q sinh ngày 23/02/2012 cho bà D chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Do có đủ điều kiện nuôi con nên bà D không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Văn H được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà D không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Ngô Thị D chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0049607 ngày 28/04/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Bà D đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án NDTP.HCM
- VKS ND Quận Bình Thạnh.
- THA DS Quận Bình Thạnh.
- Các đương sự
- LưuVP, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Ngọc Yến